

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU S  
TỈNH THANH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 17-6 -2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Hằng và ông Nguyễn Bá Long

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu S:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2021/HNGĐ - ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐST- HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2021 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990

HKTT: Thôn 5, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

Địa chỉ hiện nay: Thôn 5, xã Thọ N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 5, xã Thọ T, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày giữa chị và anh Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn ngày 17/7/2013 tại UBND xã Thọ N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh Ha trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh, chị hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không tu trí làm việc, dẫn đến nợ nần, chị T đã nhiều lần góp ý nhưng anh V không thay đổi, còn chửi mắng vợ con, mâu thuẫn vợ chồng tuy đã được hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân,

không ai quan tâm đến ai, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại thôn 5, xã Thọ N, huyện Triệu S từ tháng 01/2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn V.

*Về phần con chung:* Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu là Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 18/6/2019, hiện nay cháu Thủy T1 ở cùng anh V, cháu Trâm A đang ở cùng chị T. Ly hôn nguyện vọng của chị T là giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Giao cháu Thủy T1 cho anh V có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trâm A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vợ chồng anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện như chị T trình bày là hoàn toàn đúng. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được hơn 07 năm, đến tháng 1/2021 do mâu thuẫn nhiều, nên chị T về nhà mẹ đẻ ở. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Vì vậy anh Việt cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh V trình bày vợ chồng anh, chị có 02 người con, tên các cháu là Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 20/01/2014 và cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 18/6/2019. Ly hôn anh giao cháu Trâm A cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thủy T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh, chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu S tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Trang ly hôn anh Nguyễn Văn V; Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trâm A, anh V trực tiếp nuôi cháu Thủy T1, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra; Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*[1]. Về tố tụng:* Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 7 năm 2013 tại UBND xã Thọ N, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống lẫn kinh tế, mâu thuẫn này là nguyên nhân của va chạm khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh, chị đã không quan tâm nhau từ tháng 01/2021 đến nay. Chị T và anh V đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị T và anh V thì thấy: Tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau. Hiện tại anh, chị mỗi người đang nuôi một cháu. Ly hôn, chị T, anh V đều có nguyện vọng được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay.

Vì vậy giao cho chị Trang trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Trâm A, anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thủy T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273, ; khoản 1 Điều 280 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T. Xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

*Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thủy T1, sinh ngày 20/01/2014 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Trâm A, sinh ngày 18/6/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh V, chị T không phải đóng góp nuôi con chung.

Chị T, anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, anh hoặc chị không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu bé, thì người không trực tiếp nuôi con có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2016/0001330 ngày 9 tháng 04 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn. Chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Tuyên bố cho anh Việt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Trang kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKS Triệu S
- Các đương sự
- UBND xã Thọ N
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



